

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

Số:/THB - HMT/HĐMB - 2026

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Thương mại 2005 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ khả năng và nhu cầu của hai Bên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 09 năm 2026, tại số 152 Quang Trung, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa, chúng tôi gồm:

Bên bán: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - THANH HÓA.

(Gọi là Bên A)

Địa chỉ: Số 152 - Quang Trung - Phường Hạc Thành – tỉnh Thanh Hoá.

Điện thoại: (0237)3.852.503

Fax: (0237)3.853.270

Tài khoản: 119000019541.

Tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sầm Sơn, Thanh Hóa.

Mã số thuế: 28 00791192.

Do ông:

Chức vụ: làm đại diện.

Bên mua: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HABECO MIỀN TRUNG.

(Gọi là Bên B)

Địa chỉ: Số 152 - Quang Trung - Phường Hạc Thành – tỉnh Thanh Hoá.

Tài khoản:

Tại:

Mã số thuế: 2801023570

Do ông: **Lê Anh Tuấn**

Chức vụ: **Giám đốc** làm đại diện.

Hai bên thống nhất ký Hợp đồng mua bán hàng hóa với các nội dung và điều khoản sau đây:

Điều 1: Nội dung công việc

- 1.1. Bên A bán sản phẩm cho Bên B và Bên B tổ chức kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm của Bên A từ ngày 01/10/2026 đến hết ngày 31/12/2026.
- 1.2. Sản phẩm: Bia hơi Thanh Hoa (Xuất bán trực tiếp tại quầy)

Điều 2: Quy cách, chất lượng hàng hóa

2.1. Chất lượng hàng hóa: Sản phẩm của Bên A bán cho Bên B có tiêu chuẩn chất lượng theo bản tự công bố trên Trang web: <https://www.biathanhhoa.com.vn/> của Bên A; phù hợp với quy định của pháp luật và được tiếp nhận công bố bởi Sở Công thương tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Quy cách hàng hóa: Sản phẩm bia hơi Thanh Hoa được chứa đựng vào các tank chứa kín; đảm bảo An toàn thực phẩm, bảo ôn và làm lạnh tới nhiệt độ quy định.

2.3. Hạn sử dụng: Bia hơi xuất tại quầy sử dụng trong 24 giờ sau khi xuất kho.

Điều 3: Giá bán

3.1. Giá bán sản phẩm của Bên A cho Bên B quy định tại **Phụ lục 01** của Hợp đồng này.

3.2. Khi có thay đổi về giá bán, Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B tối thiểu 15 ngày trước khi giá mới có hiệu lực. Giá mới sẽ được hai Bên thống nhất thực hiện thông qua Phụ lục Hợp đồng.

3.3. Giá bán của Bên B cho khách hàng không được chênh lệch vượt quá tỷ lệ (%) quy định tại các văn bản Pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt hiện hành so với giá bán của Bên A cho Bên B. Trong trường hợp giá bán của Bên B chênh lệch lớn hơn tỷ lệ (%) quy định tại các văn bản Pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt hiện hành so với giá bán của Bên A cho Bên B thì Bên B chịu toàn bộ nghĩa vụ về thuế cũng như các nghĩa vụ khác liên quan đến phần giá tăng thêm đó.

Điều 4: Phương thức thanh toán

4.1. Bên A áp dụng các hình thức thanh toán như sau:

- Hình thức thanh toán: **Bên B thanh toán 100% giá trị hàng hóa trong vòng 05 ngày sau khi nhận được hóa đơn tài chính của bên A.**
- Hình thức thanh toán chậm trả: quy định tại Phụ lục Hợp đồng (nếu có).
- Tiền hàng thanh toán được chuyển khoản vào tài khoản của Bên A.

4.2. Thông tin tài khoản của Bên A như sau:

Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần bia Hà Nội – Thanh Hóa.

Tài khoản số: 119000019541

Tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sầm Sơn, Thanh Hóa.

Điều 5: Địa điểm và phương thức giao nhận

5.1. Quy trình giao nhận:

5.1.1. Sau khi nhận được **đơn đặt hàng (qua email, zalo, văn bản...)** của Bên B, Bên A thực hiện việc giao hàng cho Bên B.

5.1.2. Bên B có trách nhiệm cử đại diện kiểm tra hàng hóa trước khi nhận và ký vào các hóa đơn/chứng từ có liên quan đến việc mua bán hàng hóa.

5.1.3. Bên A giao hàng cho Bên B, **đồng thời phát hành Hóa đơn giá trị gia tăng đúng với số lượng đã giao.**

5.1.4. Kể từ thời điểm Bên B nhận đủ hàng hóa theo đơn đặt hàng, Bên B có trách nhiệm bảo quản sản phẩm và phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các rủi ro xảy ra với sản

phẩm, bao gồm cả việc sản phẩm bị hư hỏng, mất mát, giảm sút giá trị và các trường hợp tương tự khác mà do lỗi của Bên B.

5.1.5. Khi đơn hàng (theo ngày) đối với các sản phẩm Bia Hơi có thay đổi về số lượng hàng đặt và thời gian nhận hàng, Bên B phải có thông báo cho Bên A trước 24 giờ so với ngày giao hàng; Trường hợp có nhu cầu nhận hàng vào ngày nghỉ, ngày lễ, Bên B cần thông báo trước 16h00 ngày làm việc liền trước và phải được sự chấp thuận của Bên A.

5.2. Địa điểm giao nhận: Tại kho của Bên A.

5.2.1. Bên B chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo quản, vận chuyển sản phẩm tuân thủ yêu cầu về nhiệt độ quy định tại **QT.45/HTH.KTCN** của Bên A (và có bằng chứng rõ ràng về việc này) để không ảnh hưởng đến chất lượng của các sản phẩm Bia Hơi của Bên A.

5.2.4. Tại bất kỳ thời điểm nào khi có nhu cầu, Bên A có quyền yêu cầu Bên B cung cấp thông tin về nhiệt độ bảo quản các sản phẩm Bia Hơi trong quá trình Bên B đang xuất bán cho khách hàng của Bên B.

Điều 6: Vùng tiêu thụ và tổ chức hệ thống bán hàng và phân phối sản phẩm

6.1. Bên B có trách nhiệm tổ chức hệ thống tiêu thụ sản phẩm mua từ Bên A tại Vùng tiêu thụ được quy định: Toàn bộ thị trường Tỉnh Thanh Hóa.

6.2. Việc mở rộng hoặc thu hẹp Vùng tiêu thụ (nếu có) sẽ được các Bên xem xét trong trường hợp cần thiết và thể hiện bằng Phụ lục Hợp đồng.

6.3. Theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu từ Bên A, Bên B có trách nhiệm gửi danh sách các thành viên trong hệ thống tiêu thụ mà Bên B đang quản lý.

Điều 7. Sử dụng các dấu hiệu nhận diện thương hiệu của Bên A

7.1. Bên A cho phép Bên B sử dụng và Bên B có nghĩa vụ sử dụng các dấu hiệu nhận diện thương hiệu của Bên A theo tiêu chuẩn và hướng dẫn của Bên A.

7.2. Bên A có quyền yêu cầu Bên B ngừng sử dụng toàn bộ hoặc một phần các dấu hiệu nhận diện của Bên A nếu Bên A phát hiện những dấu hiệu nhận diện đó không được sử dụng đúng theo hướng dẫn.

7.3. Mọi sự thay đổi về dấu hiệu nhận diện thương hiệu sẽ được Bên A thông báo cho Bên B bằng văn bản hoặc email.

Điều 8: Trang bị biển hiệu, vật dụng quảng cáo

8.1. Bên B chủ động trang bị biển hiệu, vật dụng quảng cáo (theo định hướng, hướng dẫn của Bên A) cho các thành viên trong hệ thống tiêu thụ bằng ngân sách của mình.

8.2. Bên A trang bị biển hiệu, vật dụng quảng cáo cho Bên B trong các trường hợp sau:

8.2.1. Bên A cung cấp biển hiệu, vật dụng quảng cáo (bằng ngân sách của Bên A) và có quyền yêu cầu Bên B trang bị cho nhân sự hoặc cho các thành viên trong hệ thống tiêu thụ theo định hướng quảng bá hình ảnh, phát triển thương hiệu của Bên A. Trong trường hợp này, Bên A gửi thông báo cho Bên B bằng văn bản hoặc email về việc trang bị vật dụng quảng cáo (trong đó nêu rõ mục đích, đối tượng, thời gian cần trang bị...) và Bên

B có trách nhiệm cấp phát theo đúng mục đích, đối tượng, thời gian... theo yêu cầu của Bên A.

8.2.2. Bên B có quyền đề nghị với Bên A để cấp phát, trang bị biển hiệu, vật dụng quảng cáo cho các thành viên trong hệ thống tiêu thụ. Bên B lập “đề xuất cung cấp biển hiệu, vật dụng quảng cáo” gửi cho Bên A trước thời điểm cần sử dụng ít nhất 60 ngày hoặc theo thỏa thuận giữa hai Bên, trong đó nêu rõ: mục đích sử dụng, chủng loại, số lượng, thời gian đề nghị cung cấp, thời gian dự kiến sử dụng.... Trong trường hợp Bên A đồng ý, Bên B có trách nhiệm cấp phát, trang bị biển hiệu và các vật dụng quảng cáo cho các thành viên trong hệ thống tiêu thụ theo đúng mục đích, đối tượng đã đề xuất.

8.3. Quy trình Bên A cấp phát, trang bị vật dụng quảng cáo cho Bên B

8.3.1. Cấp phát, trang bị vật dụng quảng cáo

8.3.1.1. Trên cơ sở xem xét sự cần thiết và sự phù hợp với định hướng quảng bá, phát triển thương hiệu, phát triển thị trường, Bên A sẽ xem xét và quyết định việc cấp phát vật dụng quảng cáo cho Bên B. Bên A có quyền điều chỉnh số lượng vật dụng quảng cáo, đối tượng được trang bị tại từng khu vực và các nội dung liên quan theo đề xuất của Bên B nếu thấy cần thiết.

8.3.1.2. Bên A cấp phát vật dụng quảng cáo đồng thời xuất hóa đơn theo quy định cho Bên B.

8.3.2. Quản lý, cấp phát, trang bị vật dụng quảng cáo

8.3.2.1. Bên B có trách nhiệm quản lý và cấp phát, trang bị vật dụng quảng cáo tới đúng đối tượng, đúng mục đích.

8.3.2.2. Bên B thực hiện các thủ tục cấp phát theo đúng quy định của Bên B và thực hiện nhập, xuất kho, xuất hóa đơn/chứng từ vật dụng quảng cáo theo đúng quy định của nhà nước.

8.3.3. Hồ sơ cấp phát, trang bị vật dụng quảng cáo Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc chương trình trang bị vật dụng quảng cáo, Bên B có trách nhiệm gửi hồ sơ trang bị vật dụng quảng cáo (bản photo có đóng dấu treo hoặc dấu giáp lai) cho Bên A gồm:

- a. Văn bản phê duyệt kế hoạch/chương trình trang bị vật dụng quảng cáo;
- b. Biên bản bàn giao vật dụng quảng cáo tới đối tượng được trang bị;
- c. Chứng từ xuất kho vật dụng quảng cáo.

8.4. Quy trình Bên A trang bị biển hiệu quảng cáo cho các thành viên trong hệ thống phân phối do Bên B quản lý

8.4.1. Trang bị biển hiệu quảng cáo

8.4.1.1. Trên cơ sở xem xét sự cần thiết và sự phù hợp với định hướng quảng bá, phát triển thương hiệu, phát triển thị trường, Bên A sẽ xem xét và quyết định việc trang bị biển hiệu quảng cáo cho các thành viên trong hệ thống phân phối theo đề nghị của Bên B. Bên A có quyền điều chỉnh số lượng biển hiệu quảng cáo, đối tượng được trang bị tại từng khu vực và các nội dung liên quan theo đề nghị của Bên B nếu thấy cần thiết.

8.4.1.2. Bên A triển khai trang bị biển hiệu quảng cáo cho các thành viên trong hệ thống phân phối do Bên B quản lý.

8.4.2. Quản lý biển hiệu quảng cáo

8.4.2.1. Bên B có trách nhiệm quản lý biển hiệu quảng cáo đã được Bên A trang bị cho các thành viên trong hệ thống đúng theo tiêu chuẩn, quy cách yêu cầu, đảm bảo các đối tượng được trang bị sử dụng biển hiệu quảng cáo đúng mục đích và định hướng và hướng dẫn của Bên A.

8.4.3. Hồ sơ báo cáo sử dụng biển hiệu quảng cáo Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày được trang bị biển hiệu quảng cáo hoặc thời hạn do Bên A yêu cầu, Bên B có trách nhiệm gửi hồ sơ báo cáo tình trạng biển hiệu quảng cáo cho Bên A gồm:

- a. Báo cáo hình ảnh biển hiệu quảng cáo.
- b. Báo cáo tình trạng biển hiệu quảng cáo.

Điều 9: Thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ bán hàng và phát triển thị trường

9.1. Bên B chủ động thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại đối với việc tiêu thụ sản phẩm của Bên A, tuy nhiên phải đảm bảo rằng các hoạt động đó mang lại lợi ích cho việc tiêu thụ các sản phẩm mua từ Bên A trong thời gian trước mắt cũng như lâu dài, đồng thời không phương hại đến bất kỳ lợi ích nào của Bên A.

9.2. Nhằm mục đích hỗ trợ Bên B trong công tác bán hàng, xây dựng hệ thống bán hàng, thúc đẩy các chương trình xúc tiến thương mại, qua đó tăng sản lượng tiêu thụ, doanh số bán hàng của Bên A, Bên A sẽ có thể xem xét hỗ trợ chi phí hoạt động bán hàng cho Bên B. Nội dung hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ, chi phí hỗ trợ, cách thức hỗ trợ (nếu có) sẽ được hai Bên thỏa thuận bằng Phụ lục Hợp đồng đi kèm.

9.3. Đối với các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ bán hàng và phát triển thị trường được thực hiện theo yêu cầu và bằng chi phí của Bên A, thì tùy theo từng hoạt động mà Bên B thay mặt Bên A chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn các đối tác bán hàng triển khai một phần hoặc toàn bộ hoạt động theo đúng yêu cầu của Bên A. Khi đó trách nhiệm và cách thức phối hợp giữa hai Bên sẽ được nêu cụ thể bằng văn bản.

9.4. Trong trường hợp Bên B ứng trước chi phí để thực hiện một phần hoặc toàn bộ hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ bán hàng và phát triển thị trường theo yêu cầu của Bên A thì Bên B sẽ được Bên A hoàn trả chi phí trả thay đó dựa trên các chứng từ trả thay đúng quy định do Bên B cung cấp và khoản phí hỗ trợ (nếu có) tùy thuộc vào quy mô của từng chương trình xúc tiến thương mại, hỗ trợ khách hàng theo Quyết định của Bên A.

9.5. Đối với nguồn hỗ trợ của Bên A, Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Bên A về hồ sơ chứng từ thanh toán.

Điều 10: Trách nhiệm bảo mật thông tin

Các Bên có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến Hợp đồng này và chỉ được phép cung cấp cho Bên thứ ba khi đã được sự đồng ý trước của bên còn lại hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 11: Quyền và nghĩa vụ của Bên A

11.1. Quyền của Bên A:

11.1.1. Chủ động trong việc:

- Điều chỉnh quy cách và mẫu mã sản phẩm;
- Điều chỉnh chính sách thúc đẩy bán hàng, quảng bá sản phẩm, thương hiệu các sản phẩm do Bên A cung cấp;

11.1.2. Yêu cầu Bên B cung cấp các thông tin, tài liệu và trực tiếp kiểm tra, giám sát tình hình bán hàng, kho tàng, bảo quản, vận chuyển hàng hóa của Bên B.

11.1.3. Giám sát đối với các đối tác của Bên B việc cam kết không kinh doanh các sản phẩm giả, nhái thương hiệu của Bên A. Giám sát tại các điểm kinh doanh sản phẩm có biểu hiệu của Bên A về hoạt động xúc tiến thương mại của các sản phẩm cạnh tranh với sản phẩm của Bên A.

11.1.4. Khi phát hiện các vi phạm như ở điểm 11.1.3 thì Bên A có quyền yêu cầu Bên B chấm dứt việc bán sản phẩm cho những đối tác vi phạm đó.

11.1.5. Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng này.

11.2. Nghĩa vụ của Bên A:

11.2.1. Xác nhận và thực hiện kế hoạch giao sản phẩm theo Đơn đặt hàng của Bên B. Trường hợp thay đổi về số lượng, thời gian so với đơn đặt hàng của Bên B, Bên A phải thông báo cho Bên B trong vòng 24 giờ sau khi nhận được đơn đặt hàng theo tuần, trong vòng 2 ngày sau khi nhận được đơn đặt hàng theo tháng và đơn đặt hàng theo quý;

11.2.2. Đối với từng loại sản phẩm được sản xuất phải đảm bảo theo nguyên tắc sản xuất trước - xuất trước.

11.2.3. Đảm bảo quy cách, chất lượng toàn bộ sản phẩm bán cho Bên B theo đúng như Điều 2 của Hợp đồng này;

11.2.4. Tiếp nhận và xử lý các sản phẩm sai lỗi hoặc các khiếu nại về chất lượng sản phẩm từ phía khách hàng và người tiêu dùng;

11.2.5. Thông báo cho Bên B và người tiêu dùng mọi thay đổi về sản phẩm gồm kiểu dáng, mẫu mã, màu sắc, bao bì, nhãn mác;

11.2.6. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này.

Điều 12: Quyền và nghĩa vụ của Bên B

12.1. Quyền của Bên B:

12.1.1. Trong quá trình nhận hàng, nếu cùng một loại hàng hóa mà khi so sánh với lô hàng đã nhận trước đó hạn sử dụng của sản phẩm không đảm bảo nguyên tắc được quy định tại điểm 11.2.2 thì có quyền từ chối không nhận hàng hoặc vẫn nhận và lập biên bản xác nhận. Trong trường hợp lô hàng đó ảnh hưởng đến vấn đề tiêu thụ của Bên B thì Bên A phải chịu chi phí hỗ trợ ngoài kế hoạch đã duyệt;

12.1.2. Đề xuất Bên A các chính sách, chương trình và hoạt động phân phối, tiếp thị, quảng bá sản phẩm và thương hiệu do Bên A cung cấp;

12.1.3. Yêu cầu Bên A nhanh chóng giải quyết các khiếu nại của khách hàng liên quan đến hàng hóa do Bên A cung cấp;

12.1.4. Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng này.

12.2. Nghĩa vụ của Bên B:

12.2.1. Kế hoạch đặt hàng quý/tháng:

- Bên B có trách nhiệm gửi Kế hoạch đặt hàng theo quý, tháng cho Bên A. Thời hạn để Bên B gửi Kế hoạch đặt hàng cho Bên A là trước ngày 07 của tháng kết thúc quý cho Kế hoạch đặt hàng quý kế tiếp; trước ngày 25 hàng tháng cho Kế hoạch đặt hàng của tháng kế tiếp.
 - Khi có bất kỳ thay đổi gì về số lượng hàng đặt, Bên B phải có thông báo bằng văn bản trước 10 ngày (đối với kế hoạch tháng) so với thời điểm yêu cầu giao hàng. Căn cứ năng lực sản xuất Bên A sẽ xem xét việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất và phản hồi cho Bên B trong vòng 2 ngày làm việc đối với Kế hoạch tháng kể từ thời điểm nhận được Kế hoạch đặt hàng điều chỉnh của Bên B.
- 12.2.2. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi Bên A gửi thông tin về việc đã hoàn thành giao nhận thành phẩm, Bên B có trách nhiệm đối chiếu lượng thành phẩm và thông báo tới Bên A mọi sai lệch bằng văn bản (nếu có);
- 12.2.3. Chịu trách nhiệm lưu kho, bảo quản sản phẩm theo đúng quy cách do Bên A đưa ra theo quy định về điều kiện lưu trữ bia thành phẩm (QT.45/HTH.KTCN). Trong quá trình nhập - xuất mỗi sản phẩm tại kho của Bên B phải đảm bảo nguyên tắc nhập trước xuất trước. Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường toàn bộ tổn thất (nếu có) trong trường hợp không tuân thủ đúng quy trình bảo quản, nguyên tắc xuất - nhập gây ảnh hưởng đến chất lượng, uy tín sản phẩm và tổn hại đến thương hiệu của Bên A;
- 12.2.4. Chịu trách nhiệm xử lý các sản phẩm cận date (nếu có) lưu thông trên thị trường;
- 12.2.5. Thực hiện đúng các chương trình, chính sách thúc đẩy bán hàng, xúc tiến thương mại theo kế hoạch được phê duyệt, văn bản hướng dẫn, yêu cầu thực hiện của Bên A (nếu có);
- 12.2.6. Bố trí nhân sự đảm bảo nhận hàng hóa từ Bên A;
- 12.2.7. Tổ chức thu hồi các sản phẩm sai lỗi, đồng thời phối hợp với Bên A để xử lý;
- 12.2.8. Báo cáo Bên A bằng văn bản các chính sách, chương trình và hoạt động có liên quan đến chi phí cho quá trình tiêu thụ sản phẩm và phát triển thương hiệu do Bên A cung cấp;
- 12.2.9. Thanh toán kịp thời tiền hàng và tiến hành đối chiếu cho Bên A theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này;
- 12.2.10. Cung cấp thông tin, tài liệu mà Bên A yêu cầu và hỗ trợ Bên A trong quá trình kiểm tra, giám sát các chương trình, hoạt động và chính sách tiêu thụ, thúc đẩy bán hàng và phát triển thương hiệu sản phẩm Bên A cung cấp;
- 12.2.11. Thông báo cho Khách hàng ký mọi thay đổi về sản phẩm bao gồm nhưng không giới hạn: kiểu dáng, mẫu mã, màu sắc, bao bì, nhãn mác,... theo nội dung Bên A đã cung cấp;
- 12.2.12. Phối hợp với Bên A trong việc triển khai thực hiện hệ thống quản trị Doanh nghiệp (ERP) của Bên A hoặc các phần mềm quản lý của Bên A (nếu có) khi Bên A yêu cầu;
- 12.2.13. Thực hiện phân phối hàng hóa theo đúng Vùng tiêu thụ được quy định tại Điều 6 của Hợp đồng này và truy xuất nguồn gốc sản phẩm khi Bên A yêu cầu;

12.2.14. Bên B có trách nhiệm cung cấp thông tin về người được ủy quyền đặt hàng, giao nhận tại điểm nhận hàng theo yêu cầu của Bên A. Thời hạn ủy quyền không vượt quá thời gian thực hiện hợp đồng. Các văn bản ủy quyền này được xem là phần không tách rời của Hợp đồng này và có giá trị thực hiện giữa các Bên.

12.2.15. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này.

Điều 13: Báo cáo, giám sát và kiểm tra trong quá trình thực hiện Hợp đồng

13.1. Bên A có quyền tiến hành các hoạt động giám sát và kiểm tra đối với Bên B về:

13.1.1. Tồn kho sản phẩm tại kho của Bên B;

13.1.2. Quá trình lưu kho và bảo quản sản phẩm do Bên A cung cấp;

13.1.3. Triển khai các chương trình, hoạt động và chính sách trong phân phối, thúc đẩy bán hàng và quảng bá thương hiệu cho các sản phẩm Bên A cung cấp;

13.1.4. Sổ sách, kho tàng của Bên B liên quan đến việc kinh doanh hàng hóa do Bên A cung cấp.

13.2. Bên B có nghĩa vụ báo cáo khi có yêu cầu của Bên A về các thông tin sau:

13.2.1. Báo cáo tình hình nhập - xuất - tồn thành phẩm. Báo cáo tiêu thụ (tổng hợp và chi tiết) theo từng khách hàng của Bên B đồng thời đảm bảo việc lưu trữ, cung cấp, cấp quyền tiếp cận và truy cập cho Bên A đối với các dữ liệu, thông tin liên quan đến báo cáo trên.

13.2.2. Tiến độ thực hiện, kết quả và hiệu quả các chương trình, hoạt động thúc đẩy bán hàng và quảng bá thương hiệu sản phẩm do Bên A cung cấp đã và đang thực hiện;

13.2.3. Danh sách Khách hàng được cập nhật;

13.2.4. Các thông tin khác có liên quan đến việc kinh doanh khi Bên A yêu cầu.

13.3. Trước ngày mùng 05 của tháng kế tiếp, hai Bên ký Biên bản xác nhận số lượng nhập xuất thành phẩm theo từng đơn hàng của tháng liền kề.

Điều 14: Trường hợp bất khả kháng

14.1. Bất khả kháng là những sự kiện, bao gồm nhưng không giới hạn sự kiện đình công, hỏa hoạn, ngập lụt, thiên tai, động đất, dịch bệnh, sự thay đổi của pháp luật hoặc các sự kiện khác ngoài khả năng kiểm soát của các Bên, dẫn đến việc một Bên hoặc cả hai Bên tham gia Hợp đồng không thể thực hiện được một hoặc nhiều nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng mà không phải do hành vi cố ý hoặc do lỗi của bất kỳ Bên nào.

14.2. Khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, mọi nghĩa vụ thực hiện theo Hợp đồng đều không bị thay đổi nếu như không có sự thỏa thuận bằng văn bản giữa các Bên.

14.3. Các Bên có trách nhiệm ngăn ngừa hợp lý và thực hiện các biện pháp cần thiết để hạn chế tối đa thiệt hại do sự kiện bất khả kháng gây ra. Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng dẫn tới không thực hiện được nghĩa vụ theo Hợp đồng sẽ không bị phạt hoặc phải bồi thường thiệt hại cho Bên còn lại.

14.4. Các Bên có thể thỏa thuận chấm dứt hoặc tiếp tục Hợp đồng sau khi khắc phục được hậu quả của sự kiện bất khả kháng.

Điều 15: Chấm dứt Hợp đồng

15.1. Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

15.1.1. Kết thúc thời hạn thực hiện Hợp đồng hoặc

15.1.2. Hợp đồng này bị chấm dứt trước thời hạn theo quy định tại Khoản 15.2 Điều này.

15.2. Hợp đồng này chấm dứt trước thời hạn trong các trường hợp sau đây:

15.2.1. Theo thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn bằng văn bản và có chữ ký của Người đại diện hợp pháp của các Bên và đóng dấu (nếu có); hoặc

15.2.2. Khi đối tượng của Hợp đồng này không còn hoặc không thể tiếp tục thực hiện do quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; hoặc

15.2.3. Khi một trong các Bên bị giải thể, tuyên bố phá sản.

15.2.4. Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không phải bồi thường thiệt hại đồng thời có quyền yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại khi Bên B vi phạm bất kỳ quy định nào khác trong Hợp đồng này. Khi đơn phương chấm dứt Hợp đồng, Bên A có trách nhiệm gửi văn bản thông báo trước 30 ngày cho Bên B.

15.2.5. Trong trường hợp bất kỳ Bên nào chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn mà không có căn cứ theo quy định tại Hợp đồng này, sẽ phải bồi thường cho Bên bị vi phạm bất kỳ tổn thất, mất mát, thiệt hại, phí tổn và chi phí phát sinh hoặc có thể phát sinh do việc chấm dứt Hợp đồng.

Điều 16: Bồi thường thiệt hại

16.1. Bên vi phạm chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại mà Bên bị vi phạm phải gánh chịu do lỗi trực tiếp hoặc gián tiếp từ hành vi vi phạm của Bên vi phạm.

16.2. Giá trị bồi thường thiệt hại bao gồm giá trị tổn thất thực tế mà Bên bị vi phạm phải chịu do Bên vi phạm gây ra và khoản lợi ích mà Bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm.

16.3. Giá trị bồi thường thiệt hại sẽ do các Bên thương lượng thỏa thuận. Trường hợp không thống nhất được, giá trị thiệt hại sẽ do Tòa án nhân dân có thẩm quyền quy định tại Điều 17 quyết định.

Điều 17. Hiệu lực của Hợp đồng và giải quyết tranh chấp

17.1. Các văn bản sau đây được xác định là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này:

17.1.1. Văn bản Hợp đồng này và Các Phụ lục đi kèm cùng Hợp đồng (nếu có).

17.1.2. Bên A sẽ thông báo cho Bên B bằng văn bản các quy trình, hướng dẫn liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng. Các văn bản này được xem là phần không tách rời của Hợp đồng này và có giá trị thực hiện giữa các Bên.

17.2. Hợp đồng này có thời hạn thực hiện từ ngày **01/10/2026 đến hết ngày 31/12/2026**. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi các Bên hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng.

17.3. Sau khi hết thời hạn thực hiện Hợp đồng, hai Bên đối chiếu và lập Biên bản thanh lý Hợp đồng.

17.4. Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các điều khoản của Hợp đồng này. Trường hợp phát sinh khác không được quy định trong Hợp đồng này, hai Bên sẽ cùng nhau bàn bạc và thống nhất thông qua các văn bản hoặc bằng Phụ lục của Hợp đồng này.

17.5. Mọi tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện hoặc liên quan tới Hợp đồng sẽ được các Bên giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Trong trường hợp tranh chấp không giải quyết được, mỗi bên trong các Bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

17.6. Hai Bên thừa nhận thỏa thuận này là căn cứ để tòa án thụ lý giải quyết các tranh chấp phát sinh của Hợp đồng này theo quy định. Bên thua kiện phải chịu toàn bộ án phí và các chi phí phát sinh trong việc giải quyết tranh chấp. Trong quá trình giải quyết tranh chấp tại tòa án, Hợp đồng vẫn được tiếp tục thực hiện trừ phần đang tranh chấp. 17.7. Mọi quy định khác ngoài các điều khoản trong Hợp đồng này được áp dụng theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.

17.8. Các Bên cam đoan rằng mỗi Bên có đầy đủ năng lực pháp lý để ký kết và thực hiện Hợp đồng với Bên còn lại. Các Bên đã có đủ và hoàn tất mọi thủ tục pháp lý phê duyệt nội bộ theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của mỗi Bên và sẽ duy trì hiệu lực đầy đủ của các thủ tục phê duyệt này để ký kết và thực hiện Hợp đồng này.

17.9 Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai (02) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B